

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN BÁC SĨ NỘI TRÚ
NĂM 2025 CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

1. Chẩn đoán hình ảnh: 20 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
1	1	Lê Thạc	Bách	Nam	13/02/2001	Khánh Hòa	Kinh
2	2	Phạm Quốc	Bảo	Nam	17/02/2001	Bình Định	Kinh
3	3	Lê Văn	Cát	Nam	18/09/2001	Đồng Nai	Kinh
4	4	Đàm Lê	Châu	Nam	10/06/2001	Quảng Bình	Kinh
5	5	Nguyễn Đình	Dũng	Nam	19/01/2001	Nghệ An	Kinh
6	6	Trương Thị Hồng	Hương	Nữ	18/09/2001	Quảng Ngãi	Kinh
7	7	Lê Anh	Khải	Nam	30/09/2001	Gia Lai	Kinh
8	8	Nguyễn Hữu	Lợi	Nam	08/04/2001	Bình Định	Kinh
9	9	Nguyễn Đoàn Phương	Mai	Nữ	25/12/2001	Quảng Ngãi	Kinh
10	10	Đoàn Lê Thu	Nga	Nữ	15/06/2001	Tây Ninh	Kinh
11	11	Lê Hồng	Ngọc	Nữ	10/04/2001	Đà Nẵng	Kinh
12	12	Trần Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	12/02/2001	Phú Yên	Kinh
13	13	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	Nữ	22/08/2001	Kon Tum	Kinh
14	14	Phạm Trần Minh	Nhật	Nam	26/12/2001	Tiền Giang	Kinh
15	15	Nguyễn Đỗ	Quyên	Nữ	08/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
16	16	Phan Nguyễn Minh	Thơ	Nữ	20/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
17	17	Trần Ngọc Minh	Thư	Nữ	14/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
18	18	Cao Thu	Trang	Nữ	19/09/2001	Gia Lai	Kinh
19	19	Văn Phương	Trang	Nữ	08/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
20	20	Viên Quang	Trung	Nam	24/04/2001	Trà Vinh	Kinh

2. Chẩn thương chỉnh hình: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
21	1	Liêu Gia	Bảo	Nam	07/11/2001	Cà Mau	Kinh
22	2	Vũ Anh	Dũng	Nam	01/11/2001	Lâm Đồng	Kinh
23	3	Dương Lê Hoàng	Hiệp	Nam	23/07/2001	Bến Tre	Kinh
24	4	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	06/08/2001	Bình Định	Kinh
25	5	Nguyễn Vĩnh	Kiên	Nam	18/09/2001	Quảng Nam	Kinh
26	6	Nguyễn Lê Tấn	Minh	Nam	08/10/2001	Quảng Ngãi	Kinh
27	7	Lê Trần Hoàng	Quân	Nam	16/10/2001	Bình Định	Kinh
28	8	Lê Văn	Tài	Nam	10/09/2001	Quảng Trị	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
29	9	Trần Anh	Tuấn	Nam	26/03/2001	Quảng Trị	Kinh
30	10	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	01/01/2001	Đồng Nai	Kinh

3. Đa liệu: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
31	1	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	27/11/2001	Đà Nẵng	Kinh
32	2	Phan Anh	Khoa	Nam	27/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
33	3	Phạm Võ Mịch	Thanh	Nam	23/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
34	4	Phan Thị Quỳnh	Trang	Nữ	16/10/2001	Đắk Lắk	Kinh

4. Gây mê hồi sức: 12 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
35	1	Nguyễn Thái Hoàng	Anh	Nam	31/07/2001	Tây Ninh	Kinh
36	2	Phạm Quang	Anh	Nam	03/04/2001	Hà Nội	Kinh
37	3	Phan Tiến	Đạt	Nam	14/11/2001	Cần Thơ	Kinh
38	4	Vương Ngọc Minh	Hạnh	Nữ	05/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
39	5	Bùi Quang	Huy	Nam	26/11/2001	Bình Thuận	Kinh
40	6	Châu Hoàng	Khang	Nam	21/06/2001	Vĩnh Long	Hoa
41	7	Lê Nguyễn Uyên	Minh	Nữ	03/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
42	8	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	14/09/2001	Gia Lai	Kinh
43	9	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	Nữ	10/02/2001	Bến Tre	Kinh
44	10	Bùi Hiệp	Phong	Nam	02/07/2001	Cần Thơ	Kinh
45	11	Ngô Trung	Quốc	Nam	17/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
46	12	Lê Kim Bảo	Trâm	Nữ	13/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

5. Giải phẫu bệnh: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
47	1	Nguyễn Phạm Bảo	Châu	Nữ	25/09/2001	Sóc Trăng	Kinh
48	2	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	04/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
49	3	Nguyễn Đậu Thanh	Lâm	Nam	19/11/2001	Đắk Lắk	Kinh
50	4	Nguyễn Thị Kim	Linh	Nữ	25/05/2000	An Giang	Kinh
51	5	Phạm Trần Nhật	Quang	Nam	17/01/2001	Sóc Trăng	Hoa
52	6	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	14/01/2001	Thừa Thiên Huế	Kinh
53	7	Bùi Thị Phương	Thảo	Nữ	26/10/2001	Lâm Đồng	Kinh
54	8	Ngô Quang	Thiên	Nam	16/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
55	9	Nguyễn Xuân Hoài	Thương	Nữ	09/08/2001	Đắk Lắk	Kinh
56	10	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	18/02/2001	Đồng Tháp	Kinh

6. Hồi sức cấp cứu: 07 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
57	1	Nguyễn Hồng	Bảo	Nam	24/12/2001	Tiền Giang	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
58	2	Lê Tấn	Cầm	Nam	22/01/2001	Bình Định	Kinh
59	3	Tạ Minh	Cơ	Nam	23/01/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hoa
60	4	Huỳnh Hải	Duy	Nam	28/11/2001	Cà Mau	Kinh
61	5	Phạm Huỳnh Khánh	Duy	Nam	22/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
62	6	Huỳnh Cẩm	Hồng	Nữ	20/08/2001	Vĩnh Long	Kinh
63	7	Trịnh Hoài	Nhân	Nam	28/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

7. Huyết học - Truyền máu: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
64	1	Hồ Thúc Phương	Anh	Nữ	25/04/2001	Khánh Hòa	Kinh
65	2	Nguyễn Gia	Hiệu	Nam	10/09/1999	Bình Định	Kinh
66	3	Hồ Nguyễn Nhật	Hồ	Nam	02/05/2001	Long An	Kinh
67	4	Hồ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	25/04/2000	Đồng Nai	Kinh
68	5	Nguyễn Trần Trúc	Nghi	Nữ	15/11/2001	Kiên Giang	Kinh
69	6	Nguyễn Trịnh Tiểu	Nhiên	Nữ	19/08/2001	Quảng Ngãi	Kinh
70	7	Trần Võ Toàn	Phương	Nữ	17/12/2001	Đồng Tháp	Kinh
71	8	Hoàng Minh	Quang	Nam	26/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
72	9	Huỳnh Lê Phương	Trang	Nữ	02/10/2001	Bình Định	Kinh
73	10	Phạm Hoàng	Yên	Nữ	15/09/2001	Đồng Tháp	Kinh

8. Lao: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
74	1	Huỳnh Phước	Châu	Nữ	14/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
75	2	Danh Thị Diễm	Hằng	Nữ	08/12/2001	Kiên Giang	Khmer
76	3	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	21/09/2001	Tiền Giang	Kinh
77	4	Huỳnh Phạm Thanh	Thủy	Nữ	25/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

9. Lão khoa: 12 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
78	1	Trần Thanh	An	Nữ	25/10/2001	Lâm Đồng	Kinh
79	2	Hoàng Quốc	Đạt	Nam	25/06/2001	Gia Lai	Kinh
80	3	Đặng Việt	Hoàng	Nam	10/09/2001	Gia Lai	Kinh
81	4	Trần Lê Kim	Khánh	Nữ	24/02/2001	Đồng Tháp	Kinh
82	5	Phạm Mỹ	Phương	Nữ	25/02/2001	Đà Nẵng	Kinh
83	6	Phạm Phú	Quốc	Nam	12/08/2001	Gia Lai	Kinh
84	7	Lê Minh	Tuệ	Nam	08/02/2001	Đồng Nai	Kinh
85	8	Phạm Huỳnh	Thanh	Nam	30/01/2001	An Giang	Kinh
86	9	Trần Vĩnh	Thuận	Nam	28/07/2001	An Giang	Kinh
87	10	Đặng Cao	Trí	Nam	08/06/2001	Lâm Đồng	Kinh
88	11	Vạn Việt	Trường	Nam	01/11/2001	Ninh Thuận	Chăm

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
89	12	Trang Thiên Ngọc	Vy	Nữ	06/10/2001	Bình Dương	Kinh

10. Ngoại khoa: 14 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
90	1	Nguyễn Phúc	Hiệp	Nam	04/09/2001	Gia Lai	Kinh
91	2	Trần Quốc	Huy	Nam	26/03/2001	Bình Định	Kinh
92	3	Nguyễn Đình	Long	Nam	16/01/2001	Gia Lai	Kinh
93	4	Cao Thị Uyên	Nghi	Nữ	02/02/2001	Bến Tre	Kinh
94	5	Trần Kế	Nghiệp	Nam	06/05/2001	Tiền Giang	Kinh
95	6	Đặng Văn	Nhân	Nam	24/02/2001	Gia Lai	Kinh
96	7	Bùi Quang	Phú	Nam	12/05/2001	Bình Phước	Kinh
97	8	Trần Duy	Phú	Nam	01/08/2001	Bình Định	Kinh
98	9	Nguyễn Đắc	Sơn	Nam	05/05/2001	Nghệ An	Kinh
99	10	Phạm Thanh	Tùng	Nam	21/09/2001	Nam Định	Kinh
100	11	Bùi Trần Ngọc	Thanh	Nữ	10/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
101	12	Lê Quốc	Thịnh	Nam	06/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
102	13	Trần Bình	Thuận	Nam	14/10/2001	Bình Dương	Kinh
103	14	Nguyễn An	Trường	Nam	02/09/2001	Kon Tum	Kinh

11. Ngoại - Lồng ngực: 14 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
104	1	Trần Đức	Hải	Nam	27/02/2001	Bình Định	Kinh
105	2	Nguyễn Xuân	Hoài	Nam	23/03/2001	Bạc Liêu	Kinh
106	3	Nguyễn	Huỳnh	Nam	10/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
107	4	Huỳnh Phú	Hữu	Nam	21/11/2001	An Giang	Kinh
108	5	Từ Ngọc Quốc	Khánh	Nam	02/09/2001	Bình Thuận	Kinh
109	6	Trịnh Quách	Long	Nam	19/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
110	7	Huỳnh Trọng	Nguyễn	Nam	06/05/2001	Bạc Liêu	Kinh
111	8	Phạm Thế	Nguyễn	Nam	31/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
112	9	Trần Nguyên	Phát	Nam	06/11/2000	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
113	10	Huỳnh Hữu	Phúc	Nam	09/10/2001	Cần Thơ	Kinh
114	11	Huỳnh Tú	Sương	Nam	25/10/2001	Bến Tre	Kinh
115	12	Trịnh Hoài	Tâm	Nam	07/10/2001	Bạc Liêu	Hoa
116	13	Lê Ngọc	Tiến	Nam	23/06/2001	Đắk Lắk	Kinh
117	14	Nguyễn Trường	Thọ	Nam	08/03/2001	Tiền Giang	Kinh

12. Ngoại - Nhi: 03 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
118	1	Cao Niên	Kỷ	Nam	20/12/2001	Khánh Hòa	Kinh
119	2	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	20/02/2001	Lâm Đồng	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
120	3	Trần Thị Ngọc	Thúy	Nữ	01/09/2001	An Giang	Kinh

13. Ngoại - Thân kinh và Sợ não: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
121	1	Phạm Quốc	Cường	Nam	18/03/2001	Gia Lai	Kinh
122	2	Phan Thanh Đại	Dương	Nam	25/04/2001	Bến Tre	Kinh
123	3	Nguyễn Việt Huy	Hoàng	Nam	14/01/2001	Hải Dương	Kinh
124	4	La Anh	Kiệt	Nam	20/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
125	5	Đình Phúc	Kha	Nam	12/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
126	6	Trần Minh	Phát	Nam	14/11/2001	Lâm Đồng	Kinh
127	7	Lê Quốc	Toàn	Nam	31/07/2001	Đắk Lắk	Kinh
128	8	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	11/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

14. Ngoại - Tiết niệu: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
129	1	Lê Văn	Lộc	Nam	04/09/1997	Quảng Ngãi	Kinh
130	2	Dương Nhật	Nam	Nam	22/05/2001	Cần Thơ	Kinh
131	3	Hồ Đắc Nhật	Tân	Nam	18/08/2001	Tiền Giang	Kinh
132	4	Lê Nhất	Thành	Nam	13/02/2001	An Giang	Kinh

15. Nhân khoa: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
133	1	Doãn Lê Thế	Bảo	Nam	01/01/2001	Đà Nẵng	Kinh
134	2	Đỗ Nguyễn Minh	Đặng	Nam	02/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
135	3	Lê Trung	Hiếu	Nam	06/01/2001	Tây Ninh	Kinh
136	4	Đào Anh	Quang	Nam	14/01/2001	Đắk Lắk	Kinh
137	5	Trần Ngọc	Tiền	Nữ	12/10/2001	Sóc Trăng	Khmer
138	6	Huỳnh Thị Như	Ý	Nữ	13/09/2001	Cần Thơ	Kinh

16. Nhi khoa: 15 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
139	1	Trần Minh	Anh	Nữ	20/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
140	2	Lê Nguyễn Bảo	Châu	Nữ	03/11/2001	Khánh Hòa	Kinh
141	3	Lương Tuấn	Kiệt	Nam	03/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
142	4	Nguyễn Chí	Khánh	Nam	19/12/2001	Bạc Liêu	Kinh
143	5	Trần Duy	Khiêm	Nam	11/10/2001	Tây Ninh	Kinh
144	6	Đặng Thị Trà	My	Nữ	13/10/2001	Quảng Nam	Kinh
145	7	Nguyễn Phạm Hoàng	Nghi	Nữ	10/07/2001	An Giang	Kinh
146	8	Hồ Thiện	Nhân	Nam	01/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
147	9	Tạ Đỗ Diễm	Quỳnh	Nữ	25/09/2001	Nam Định	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
148	10	Phạm Tấn	Tài	Nam	11/07/2000	Tiền Giang	Kinh
149	11	Trần Thanh	Thiện	Nữ	05/07/2001	Bình Thuận	Kinh
150	12	Trần Ngọc	Trâm	Nữ	28/11/2001	An Giang	Kinh
151	13	Phạm Thị Trang	Uyên	Nữ	14/07/2001	Bình Phước	Kinh
152	14	Tăng Thúy	Uyên	Nữ	15/09/2000	Trà Vinh	Hoa
153	15	Nguyễn Quốc Ý	Ý	Nam	11/02/2001	Gia Lai	Kinh

17. Nội khoa: 15 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
154	1	Bùi Khánh	Bình	Nam	09/12/2001	Khánh Hòa	Kinh
155	2	Nguyễn Thị Tiểu	Cầm	Nữ	13/10/2000	Tây Ninh	Kinh
156	3	Lê Tấn	Đạt	Nam	04/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
157	4	Võ Xuân	Đức	Nam	01/05/2001	Bình Thuận	Kinh
158	5	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	08/11/2001	Tây Ninh	Kinh
159	6	Lưu Quốc	Huy	Nam	23/07/2001	Tiền Giang	Kinh
160	7	Nguyễn Việt	Kiên	Nam	18/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
161	8	Lê Cao	Kỳ	Nam	12/03/2001	Kiên Giang	Kinh
162	9	Dương Quốc	Khánh	Nam	30/08/2001	Bình Định	Kinh
163	10	Huỳnh Bảo	Lân	Nam	26/03/2001	Bến Tre	Kinh
164	11	Dương Nhật	Minh	Nam	30/09/2001	An Giang	Kinh
165	12	Đỗ Nhật	Nam	Nam	19/12/2001	Đồng Nai	Kinh
166	13	Trần Văn	Nhân	Nam	26/03/2000	Quảng Nam	Kinh
167	14	Phan Việt	Thành	Nam	27/01/2001	Bình Thuận	Kinh
168	15	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	Nữ	21/01/2001	Vĩnh Long	Kinh

18. Nội tiết: 04 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
169	1	Hồ Phương	Anh	Nam	14/01/2001	Bến Tre	Kinh
170	2	Tô Minh	Khôi	Nam	07/12/2001	Cà Mau	Hoa
171	3	Chung Thiên	Long	Nam	15/11/2001	An Giang	Hoa
172	4	Võ Trần Tuyết	Nhi	Nữ	10/03/2001	Bạc Liêu	Kinh

19. Phục hồi chức năng: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
173	1	Trần Phúc	An	Nam	24/06/2001	Gia Lai	Kinh
174	2	Nguyễn Phú	Bình	Nam	09/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
175	3	Đặng Ngọc	Đức	Nam	26/11/2001	Bình Phước	Kinh
176	4	Trần Ngọc Bảo	Huy	Nam	07/05/2001	Bạc Liêu	Kinh
177	5	Nguyễn Huỳnh Kiều	My	Nữ	12/09/2001	Cà Mau	Kinh
178	6	Đỗ Thị Ngọc	Nhi	Nữ	06/12/2001	Quảng Ngãi	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
179	7	Nguyễn Phan Bảo	Tâm	Nữ	09/11/2001	Bình Định	Kinh
180	8	Trần Thị Nguyệt	Thủy	Nữ	24/10/2001	Đồng Tháp	Kinh

20. Răng - Hàm - Mặt: 32 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
181	1	Đoàn Thùy	An	Nữ	15/02/2001	Lâm Đồng	Kinh
182	2	Phạm Văn	An	Nam	06/06/2001	Lâm Đồng	Kinh
183	3	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	Nữ	23/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
184	4	Huỳnh Thùy Băng	Châu	Nữ	22/09/2001	Tây Ninh	Kinh
185	5	Đình Bùi Bảo	Chung	Nam	29/05/2001	Kon Tum	Kinh
186	6	Nguyễn Văn	Chung	Nam	13/08/2001	Thanh Hóa	Kinh
187	7	Nguyễn Tấn	Dũng	Nam	31/05/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
188	8	Hồ Vĩnh	Duy	Nam	08/01/2001	Cần Thơ	Kinh
189	9	Nguyễn Mỹ	Duyên	Nữ	02/01/2001	Bạc Liêu	Kinh
190	10	Kha Trường	Đạt	Nam	15/07/2001	Trà Vinh	Hoa
191	11	Nguyễn Văn	Định	Nam	20/08/2001	Quảng Nam	Kinh
192	12	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	06/08/2001	Lâm Đồng	Kinh
193	13	Đặng Trần Ngọc	Hiền	Nữ	14/10/2001	Khánh Hòa	Kinh
194	14	Nông Văn	Hòa	Nam	10/10/2001	Đắk Lắk	Nùng
195	15	Nguyễn Văn	Khôi	Nam	24/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
196	16	Nguyễn Thụy	Khuê	Nữ	15/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
197	17	Nguyễn Thế	Long	Nam	13/04/2001	Tiền Giang	Kinh
198	18	Nguyễn Gia	Lợi	Nam	13/09/2001	Trà Vinh	Kinh
199	19	Võ Ngọc Anh	Minh	Nữ	24/12/2001	Thừa Thiên Huế	Kinh
200	20	Lương Văn	Nam	Nam	19/03/2001	Nam Định	Kinh
201	21	Phạm Trung	Nghĩa	Nam	29/09/2001	Hải Phòng	Kinh
202	22	Tô Bảo	Ngọc	Nữ	01/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hoa
203	23	Nguyễn Trần Đình	Nguyên	Nam	11/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
204	24	Phan Thị Thanh	Nhàn	Nữ	05/11/2001	Thừa Thiên Huế	Kinh
205	25	Nguyễn Anh	Nhát	Nam	01/08/2001	Quảng Ngãi	Kinh
206	26	Đào Minh	Phú	Nam	23/07/2001	Bình Phước	Kinh
207	27	Lương Công Hoàng	Phú	Nam	07/08/2001	Ninh Thuận	Kinh
208	28	Nguyễn Thanh	Tín	Nam	03/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
209	29	Trần Minh	Tuấn	Nam	10/04/2001	Đồng Nai	Kinh
210	30	Trương Ngọc	Tuyền	Nữ	15/03/2001	Cần Thơ	Kinh
211	31	Dương Quốc	Thành	Nam	02/10/2001	Đà Nẵng	Kinh
212	32	Lâm Kỳ	Trung	Nam	30/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hoa

21. Sản phụ khoa: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
213	1	Châu Ngọc Thúy	An	Nữ	15/03/2001	Tiền Giang	Kinh
214	2	Trịnh Minh	Anh	Nữ	14/10/2000	Tây Ninh	Kinh
215	3	Nguyễn Thành	Danh	Nam	03/09/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
216	4	Lê Xuân Anh	Dũng	Nam	03/10/2001	Đắk Lắk	Kinh
217	5	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	16/08/2001	Quảng Ngãi	Kinh
218	6	Vương Tài	Lộc	Nam	20/01/2001	An Giang	Kinh
219	7	Trần Thị Ngọc	Minh	Nữ	03/01/2001	Đà Nẵng	Kinh
220	8	H' Vi	Niê	Nữ	20/12/2001	Đắk Lắk	Ê Đê
221	9	Đỗ Minh	Quân	Nam	22/08/2001	Đắk Lắk	Kinh
222	10	Lê Trần Phương	Uyên	Nữ	02/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

22. Tai Mũi Họng: 08 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
223	1	Lê Đào Hoàng	Anh	Nữ	27/02/2000	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
224	2	Nguyễn Trâm Thiên	Ân	Nữ	12/08/2001	Đà Nẵng	Kinh
225	3	Trần Anh Mai	Na	Nữ	13/08/2001	Phú Yên	Kinh
226	4	Nguyễn Huy Nhật	Tân	Nam	03/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
227	5	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	22/12/2001	Lâm Đồng	Kinh
228	6	Phạm Dương	Tùng	Nam	26/06/1999	Hà Nam	Kinh
229	7	Hoàng Huyền	Trân	Nữ	23/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
230	8	Nguyễn Tường	Vân	Nữ	17/05/2000	Đà Nẵng	Kinh

23. Tâm thần: 03 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
231	1	Trương Thanh	Ngân	Nữ	14/08/2001	Bình Định	Kinh
232	2	Ngô Đắc	Tuấn	Nam	08/03/2001	Cần Thơ	Kinh
233	3	Võ Mạnh	Tùng	Nam	03/01/2001	Quảng Ngãi	Kinh

24. Thần kinh: 14 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
234	1	Thạch Trường	An	Nam	27/07/2001	Trà Vinh	Khmer
235	2	Phùng Thị	Bích	Nữ	22/11/2000	Lạng Sơn	Nùng
236	3	Lê Huỳnh	Đức	Nam	05/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
237	4	Trần Huy	Hoàng	Nam	31/01/2001	An Giang	Kinh
238	5	Lê Tân Hậu	Hung	Nam	12/03/2001	Tây Ninh	Kinh
239	6	Nguyễn Văn	Kiều	Nữ	10/10/2000	Bình Định	Kinh
240	7	Vũ Duy	Khang	Nam	10/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
241	8	Mai Nguyên	Khôi	Nam	14/10/2001	Đồng Nai	Kinh
242	9	Võ Lê Duy	Minh	Nam	03/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
243	10	Hồ Trọng	Nhân	Nam	14/12/2001	An Giang	Kinh
244	11	Lê Tuấn	Tú	Nam	26/02/2001	Bình Thuận	Kinh
245	12	Đặng Hữu	Thành	Nam	05/10/2001	Vĩnh Long	Kinh
246	13	Dương Thị Ý	Thư	Nữ	19/08/2000	Đà Nẵng	Kinh
247	14	Hứa Việt Thu	Uyên	Nữ	04/07/2001	Quảng Nam	Kinh

25. Truyền nhiễm: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
248	1	Lê Thị Hồng	Hạnh	Nữ	22/05/2001	Đắk Lắk	Kinh
249	2	Phan Văn Tấn	Luân	Nam	02/01/2001	Đồng Tháp	Kinh
250	3	Lê Khôi	Nguyên	Nam	24/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
251	4	Võ Thanh	Sơn	Nam	26/06/2001	Cà Mau	Kinh
252	5	Huỳnh Văn	Trí	Nam	21/08/2001	Vĩnh Long	Kinh
253	6	Nguyễn Trần Anh	Vũ	Nam	28/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

26. Ung thư: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
254	1	Lê Hoàng Thiên	Ân	Nữ	18/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
255	2	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	15/11/2001	Đắk Lắk	Kinh
256	3	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	Nữ	19/09/2001	Gia Lai	Kinh
257	4	Nguyễn Đức	Huy	Nam	10/08/2001	Cà Mau	Kinh
258	5	Dương Thị Bích	Huyền	Nữ	16/10/2001	Bắc Giang	Kinh
259	6	Phạm Mạnh	Quỳnh	Nam	15/10/2001	An Giang	Kinh
260	7	Từ Nhật	Tiến	Nam	07/10/2001	Cần Thơ	Hoa
261	8	Phạm Hoài	Thương	Nam	02/04/2001	Bến Tre	Kinh
262	9	Nguyễn Thành	Trí	Nam	18/11/2001	Đồng Nai	Kinh
263	10	Trần Thị Thùy	Trinh	Nữ	06/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh

27. Y học cổ truyền: 10 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
264	1	Lê Khánh Phương	An	Nữ	04/09/2001	Bình Thuận	Kinh
265	2	Vũ Trần Minh	Anh	Nữ	28/03/2000	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
266	3	Doãn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	03/04/2001	Lâm Đồng	Kinh
267	4	Vũ Thị Mỹ	Dung	Nữ	11/08/2001	Lâm Đồng	Kinh
268	5	Phan Văn	Đức	Nam	09/04/2001	Hưng Yên	Kinh
269	6	Lê Nguyễn Hồng	Hân	Nữ	15/06/2001	Vĩnh Long	Kinh
270	7	Phạm Nguyễn Khánh	Ngân	Nữ	02/06/2001	Long An	Kinh
271	8	La Chí	Thanh	Nữ	21/12/2001	Bình Phước	Hoa
272	9	Nguyễn Ngọc Như	Thảo	Nữ	30/10/2001	Vĩnh Long	Kinh
273	10	Huỳnh Lâm Tường	Vy	Nữ	15/09/2001	Long An	Kinh

28. Y học gia đình: 06 học viên

STT	TT	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
274	1	Lê Viết	Minh	Nam	10/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
275	2	Nguyễn Ngọc Trà	My	Nữ	23/08/2001	Đồng Nai	Kinh
276	3	Đỗ Thị	Tiền	Nữ	09/04/2001	Bình Định	Kinh
277	4	Nguyễn Thị Lê	Thủy	Nữ	03/11/2001	Gia Lai	Kinh
278	5	Huỳnh Minh	Thư	Nữ	15/06/2000	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
279	6	Nguyễn Cẩm	Trân	Nữ	11/02/2000	Bình Định	Kinh

Ấn định danh sách đề nghị công nhận trúng tuyển Bác sĩ nội trú năm 2025 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh là 279 (hai trăm bảy mươi chín) học viên thuộc 28 (hai mươi tám) chuyên ngành./.